

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 2 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành
chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

(Đính kèm Danh mục thủ tục hành chính)

Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 2 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, cập nhật việc công khai, đăng tải các thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; đồng thời, thực hiện xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo đúng quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NC.^{NTH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Cảnh Tuyên

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Đính kèm Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

TT	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
02	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định		Không	
03	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định		Không	
04	Xóa đăng ký tàu cá	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định		Không	